TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 599/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng.

2. Bà Lại Thị Đắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 68/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình H, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số 14 ngõ 48 phố P, phường D, quận B, Thành phố Hà Nội (xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Lê Thị Hằng Ng, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 3.19 Chung cư C2 đường B, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Đình H trình bày:

Trên cơ sở tình cảm nam nữ tự nguyện, sau thời gian tìm hiểu, ông Hà và bà Nga tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 064, quyển số 01 ngày 10 tháng 7 năm 1993.

Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khi sinh người con thứ 3 là cháu Nguyễn Đức Tr. Ông H bị kỷ luật và điều chuyển công tác. Từ đó, mặc dù vẫn sống chung nhưng ông và bà Ng không còn quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nữa. Đến năm 2017, bà Ng đã chuyển vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, ông và bà Ng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Hằng Ng.

- Về con chung: ông và bà Ng có ba con chung là Nguyễn Phương L (giới tính: nữ; sinh ngày: 30/8/1993; đã trưởng thành), Nguyễn Thị Thảo C (giới tính: nữ; sinh ngày: 02/10/1999; đã trưởng thành) và Nguyễn Đức Tr (giới tính: nam; sinh ngày: 14/7/2005).

Sau khi ly hôn, ông H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Tr cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà Ngacấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông H và bà Ng tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông H xác định ông bà không có nợ chung.

Ông H cam kết việc ly hôn của ông và bà Lê Thị Hằng Ng không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào và ông chỉ nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bị đơn bà Lê Thị Hằng Ng trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Hà về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 064, quyển số 01 ngày 10 tháng 7 năm 1993. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà và ông H đã ly thân từ năm 2017. Nay đối với yêu cầu ly hôn của ông H, bà Ng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: ông bà có ba con chung là Nguyễn Phương L (giới tính: nữ; sinh ngày: 30/8/1993; đã trưởng thành), Nguyễn Thị Thảo C (giới tính: nữ; sinh ngày: 02/10/1999; đã trưởng thành) và Nguyễn Đức Tr (giới tính: nam; sinh ngày: 14/7/2005).

Sau khi ly hôn, bà Ng yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức Tr cho đến khi trưởng thành, bà Ng không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: bà và ông H tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: bà Ng xác định ông bà không có nợ chung.

Bà Ng cam kết việc ly hôn của ông bà không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Tại phiên toà sơ thẩm,

- Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Hằng Ng đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, về xác định tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý, về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Đình H, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Đình H về việc ly hôn với bà Lê Thị Hằng Ng.

- Về con chung: Giao con chung là trẻ Nguyễn Đức Tr (giới tính: nam; sinh ngày: 14/7/2005) cho bà Lê Thị Hằng Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Nguyễn Đình H không cấp dưỡng cho con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Đình H và bị đơn bà Lê Thị Hằng Ng đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Toà án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Đình H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị Hằng Ng, đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Lê Thị Hằng Ng cư trú tại Quận 8 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Hằng Ng tự nguyên tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 064, quyển số 01 ngày 10 tháng 7 năm 1993. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy giữa ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Hằng Ng chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ năm 2017, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Ng đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông H. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Đình H đối với bà Lê Thị Hằng Ng.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 133, quyển số 1 đăng ký ngày 14/9/1993, Giấy khai sinh số 147, quyển số 01/99 đăng ký ngày 26/10/1999, Giấy khai sinh số 137, quyển số 02/2005 đăng ký ngày 26/7/2005 tại Uỷ ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cùng lời trình bày của các đương sự có đủ cơ sở khẳng định ông Nguyễn Đình H và bà Lê Thị Hằng Ng có 03 con chung là: Nguyễn Phương L (giới tính: nữ; sinh ngày: 30/8/1993), Nguyễn Thị Thảo C (giới tính: nữ; sinh ngày: 02/10/1999) và Nguyễn Đức Tr (giới tính: nam; sinh ngày: 14/7/2005).

Đối với con chung Nguyễn Phương L và Nguyễn Thị Thảo C hiện đã thành niên và đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Căn cứ Bản tự khai ngày 19/4/2022, trẻ Nguyễn Đức Tr trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Theo lời trình bày của ông H, bà Nga thì từ ngày 16/01/2022 trẻ Nguyễn Đức Tr đã chuyển vào sống với bà Ng để sinh sống và học tập. Bà Ng là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Xét thấy, yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của bà Ng là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân

và Gia đình năm 2014, phù hợp với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng cho con: Bà Lê Thị Hằng Ng tự nguyện không yêu cầu ông Nguyễn Đình H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.4] Về tài sản chung: Ông H và bà Ng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

[3.5] Về nợ chung: Ông H và bà Ng tự khai không có.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình H được ly hôn với bà Lê Thị Hằng Ng (Giấy chứng nhận kết hôn số 064, quyển số 01 do Uỷ ban nhân dân phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 7 năm 1993).

1.2. Về con chung và cấp dưỡng cho con:

Sau khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Đức Tr cho bà Lê Thị Hằng Ng tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Đình H không cấp dưỡng cho con.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung: Các đương sự tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

1.4. Về nợ chung: Các đương sự tự khai không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Đình H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0044917 ngày 22/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Đình H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Đình H, bà Lê Thị Hằng Ng có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- UBND phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thắng